

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU VÀ HỒ SƠ DẪN VÀO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÀ SẪY TÀI CHÍNH VÀ CÁC KẾ TOÁN

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

49
ĐN
PHI
M
VIỆ
P.

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 30



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao Thông Bến Tre cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao Thông Bến Tre ("Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5503000033 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần 8 với số 1300403675 ngày 22 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Bến Tre cấp

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Công ty có ba công ty con và ba chi nhánh. Cụ thể như sau:

Ba công ty con:

- Công ty TNHH MTV TM - XD Và Dịch Vụ Giao Long (công ty con có 100% vốn đầu tư là của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao Thông Bến Tre) được đặt tại ấp 7, xã Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ ba số 1300570820 cấp ngày 21 tháng 8 năm 2012 với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất bê tông, cho thuê xe và kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng.
- Công ty TNHH Thương Mại Sông Tiền Bến Tre (công ty con có vốn đầu tư là 62,5% của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao Thông Bến Tre) được đặt tại số 35/C3 ấp Phú Hào, xã Hưng Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300901825 đăng ký ngày 20 tháng 9 năm 2012 với ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh thương mại xăng, dầu, nhớt,...
- Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Tiền Giang (công ty con có 98,03% vốn đầu tư là của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao Thông Bến Tre) được đặt tại số 1A đường Lê Văn Phẩm, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư số 1200100003 cấp ngày 28 tháng 02 năm 2012 với ngành nghề kinh doanh chính sản xuất bê tông và xây dựng công trình.

Ba chi nhánh của Công ty:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao Thông Bến Tre - Xí Nghiệp Công Trình 2 tại số 39/C3 ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 1300403675-005 ngày 19 tháng 12 năm 2012 với ngành nghề kinh doanh chính là xây dựng, lắp đặt, hoàn thiện công trình xây dựng,...
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao Thông Bến Tre - Xí Nghiệp Công Trình 1 tại số 38/C3 ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 1300403675-006 ngày 19 tháng 12 năm 2012 với ngành nghề kinh doanh chính là xây dựng, lắp đặt, hoàn thiện công trình xây dựng, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét,...
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao Thông Bến Tre - Xí Nghiệp Cơ Khí tại số 37/C3 ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 1300403675-007 ngày 19 tháng 12 năm 2012 với ngành nghề kinh doanh chính là đóng tàu, sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải, sản xuất bê tông, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan,...

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2012, hoạt động chính của Công ty như sau:

- Sản xuất, mua bán trụ điện, cọc bê tông phục vụ công trình giao thông, nông nghiệp, xây dựng, thủy lợi, điện lực và bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, mua bán các sản phẩm phục vụ công trình giao thông, đô thị, nông nghiệp, xây dựng, thủy lợi;
- Đóng mới phương tiện thủy sản, sửa chữa phương tiện thủy bộ, thiết kế, thiết kế hoán cải phương tiện thủy vỏ thép (không lắp máy dưới 100T)
- Thi công xây dựng và sửa chữa các công trình: giao thông (thủy, bộ), công nghiệp, dân dụng, đô thị và thủy lợi.
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước.
- Khai thác cát
- Mua bán vật liệu xây dựng, các mặt hàng trang trí nội thất. Sản xuất, mua bán các loại cống, cọc bê tông ly tâm.
- Chuẩn bị mặt bằng
- Sản xuất, mua bán bê tông tươi
- Kinh doanh bất động sản.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 16.564.700.000 đồng.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Ngọc Vượng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trương Tiến Dũng	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đã từ trần đầu năm 2013)
Ông Phan Tấn Mỹ	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên
Ông Đào Văn Kiệt	Thành viên
Ông Trần Văn Thái	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	(đã từ trần đầu năm 2013)
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 5/2/2013)
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 5/2/2013)
Ông Phạm Hoàng Nhân	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 16/7/2012)
Ông Nguyễn Văn Trọn	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 27/3/2012)
Ông Phan Tấn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



ĐINH NGỌC VƯỢNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bến Tre, ngày 30 tháng 03 năm 2013



Số: 74/2013/BCKT-HCM.00493

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được lập vào ngày 30 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Bến Tre (gọi tắt là "Công ty") từ trang 6 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Chúng tôi bị giới hạn vấn đề sau:

- Như đã nêu tại mục 4.6 và 4.18 của Thuyết minh báo cáo tài chính, khi có quyết định giao khoán chi phí xây dựng cho các đội thi công, Công ty sẽ ghi nhận toàn bộ chi phí khoán vào giá trị hàng tồn kho và phải trả ngắn hạn. Điều này làm cho giá trị hàng tồn kho, phải trả ngắn hạn khác thể hiện trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tăng lên một khoản tương ứng.
- Như đã nêu tại mục 4.17 và 5.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính: Đối với các công trình chỉ mới quyết toán từng phần, chưa được quyết toán toàn bộ, giá vốn được kết chuyển từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo giá thành kế hoạch dựa trên cơ sở lợi nhuận định mức do Ban Tổng Giám đốc Công ty tự xác định, sau khi hoàn thành công trình thì Công ty mới điều chỉnh lại theo giá trị quyết toán. Việc xác định giá vốn theo cơ sở nêu trên có thể làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh giữa các năm tài chính của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng vấn đề nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty, và được lập phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0173/KTV

LÊ NGỌC HẢI
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0179/KTV

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE
Số 69C ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		231.782.767.698	156.976.428.756
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	13.200.467.402	689.698.292
Tiền	111		13.200.467.402	689.698.292
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.000.000.000	8.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	4.2	8.000.000.000	8.000.000.000
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		58.375.547.473	59.693.163.036
Phải thu khách hàng	131	4.3	18.468.243.462	32.277.548.500
Trả trước cho người bán	132	4.4	18.820.181.600	10.710.764.014
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.5	22.100.342.859	16.957.938.098
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.013.220.448)	(253.087.576)
Hàng tồn kho	140	4.6	148.211.786.875	83.106.407.520
Hàng tồn kho	141		148.211.786.875	83.106.407.520
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.994.965.948	5.487.159.908
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	3.994.965.948	5.487.159.908

100%
CỔ
CHÍNH
KIỂM
C VI
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE

Số 69C ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.179.631.711	56.339.358.758
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		46.209.354.695	45.294.159.502
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	33.507.237.709	35.098.413.831
Nguyên giá	222		57.582.769.928	53.067.043.510
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.075.532.219)	(17.968.629.679)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	9.398.551.434	8.834.293.734
Nguyên giá	228		9.398.551.434	8.834.293.734
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.10	3.303.565.552	1.361.451.937
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.11	17.449.580.000	10.999.580.000
Đầu tư vào công ty con	251		17.449.580.000	6.999.580.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	4.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		520.697.016	45.619.256
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.12	520.697.016	45.619.256
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		295.962.399.409	213.315.787.514

489
 NG T
 ỆM H
 TOÁ
 T H
 HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE

Số 69C ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		277.594.731.541	194.364.089.282
Nợ ngắn hạn	310		259.006.552.416	183.024.275.970
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.13	89.829.337.394	84.595.483.038
Phải trả cho người bán	312	4.14	48.030.799.825	48.866.161.491
Người mua trả tiền trước	313	4.15	96.099.411.234	39.599.578.842
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.16	1.714.928.841	1.949.397.635
Phải trả công nhân viên	315		291.353.788	134.785.638
Chi phí phải trả	316	4.17	11.236.958.350	1.878.822.992
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.18	12.507.119.802	6.738.813.834
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		(703.356.818)	(738.767.500)
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330	4.19	18.588.179.125	11.339.813.312
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		1.929.429.157	1.597.763.312
Vay và nợ dài hạn	334		16.658.749.968	9.742.050.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.367.667.868	18.951.698.232
Vốn chủ sở hữu	410	4.20	18.367.667.868	18.951.698.232
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16.564.700.000	16.564.700.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		142.873.882	142.873.882
Quỹ dự phòng tài chính	418		18.339.353	18.339.353
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.641.754.633	2.225.784.997
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		295.962.399.409	213.315.787.514

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE

Số 69C ấp Phú Hòa, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Truol

VŨ QUANG TRUNG
KT. Kế toán trưởng



NGUYỄN TUẤN MINH
Tổng Giám đốc
Bến Tre, ngày 30 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE

Số 69C ấp Phú Hòa, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến tre

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		172.742.744.382	161.031.676.072
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	172.742.744.382	161.031.676.072
Giá vốn hàng bán	11	5.2	141.177.339.926	135.016.698.426
Lợi nhuận gộp	20		31.565.404.456	26.014.977.646
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.297.062.376	1.884.749.937
Chi phí tài chính	22	5.4	19.645.377.496	14.348.792.169
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		19.517.173.896	14.348.792.169
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.009.325.791	9.279.956.528
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		3.207.763.545	4.270.978.886
Thu nhập khác	31	5.5	805.269.476	719.073.344
Chi phí khác	32	5.6	1.218.820.715	949.820.829
Lợi nhuận khác	40		(413.551.239)	(230.747.485)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.794.212.306	4.040.231.401
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	496.930.836	695.001.768
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.297.281.470	3.345.229.633
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	1.387	2.019

Trần

VŨ QUANG TRUNG
KT. Kế toán trưởng



NGUYỄN TUẤN MINH

Tổng Giám đốc

Bến Tre, ngày 30 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE

Số 69C ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến tre

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	2.794.212.306	4.040.231.401
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.101.469.206	4.040.231.401
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	760.132.872	100.561.765
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.170.735.389)	141.716.652
Chi phí lãi vay	06	19.517.173.896	14.348.792.169
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	28.002.252.891	22.671.533.388
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	3.296.776.651	(916.577.695)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(65.105.379.355)	(30.174.246.465)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	81.263.144.323	2.884.054.442
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(475.077.760)	87.509.087
Tiền lãi vay đã trả	13	(18.775.595.230)	(14.348.792.169)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(87.562.283)	(104.702.951)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.221.700.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(704.356.818)	(939.558.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.635.902.419	(20.840.780.563)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(21.205.877.867)	(12.411.050.194)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	474.046.364
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	6.047.812.500
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.450.000.000)	(14.999.580.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	8.005.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.170.735.389	456.398.698
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(26.485.142.478)	(12.427.372.632)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	125.300.072.106	117.901.105.797
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(112.817.851.937)	(84.380.548.019)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.122.211.000)	(2.180.368.665)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.360.009.169	31.340.189.113
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	12.510.769.110	(1.927.964.082)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	689.698.292	2.617.662.374
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	13.200.467.402	689.698.292

Handwritten signature



VŨ QUANG TRUNG
KT. Kế toán trưởng

NGUYỄN TUẤN MINH
Tổng Giám đốc

Bến Tre, ngày 30 tháng 03 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông Bến Tre là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5503000033 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần 8 với số 1300403675 ngày 22 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Bến Tre cấp

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Công ty có ba công ty con và ba chi nhánh. Cụ thể như sau:

Ba công ty con

- Công ty TNHH MTV TM - XD Và Dịch Vụ Giao Long (công ty con có 100% vốn đầu tư là của Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông Bến Tre) được đặt tại ấp 7, xã Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ ba số 1300570820 cấp ngày 21 tháng 8 năm 2012 với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất bê tông, cho thuê xe và kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng.
- Công ty TNHH Thương Mại Sông Tiền Bến Tre (công ty con có vốn đầu tư là 62,5% của Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông Bến Tre) được đặt tại số 35/C3 ấp Phú Hào, xã Hưng Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300901825 đăng ký ngày 20 tháng 9 năm 2012 với ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh thương mại xăng, dầu, nhớt,...
- Công ty Cổ phần Xây Dựng Giao Thông Tiền Giang (công ty con có 98,03% vốn đầu tư là của Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông Bến Tre) được đặt tại số 1A đường Lê Văn Phẩm, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư số 1200100003 cấp ngày 28 tháng 02 năm 2012 với ngành nghề kinh doanh chính sản xuất bê tông và xây dựng công trình.

Ba chi nhánh của Công ty

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông Bến Tre - Xí Nghiệp Công Trình 2 tại số 39/C3 ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 1300403675-005 ngày 19 tháng 12 năm 2012 với ngành nghề kinh doanh chính là xây dựng, lắp đặt, hoàn thiện công trình xây dựng,...
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông Bến Tre - Xí Nghiệp Công Trình 1 tại số 38/C3 ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 1300403675-006 ngày 19 tháng 12 năm 2012 với ngành nghề kinh doanh chính là xây dựng, lắp đặt, hoàn thiện công trình xây dựng, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét,...
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông Bến Tre - Xí Nghiệp Cơ Khí tại số 37/C3 ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 1300403675-007 ngày 19 tháng 12 năm 2012 với ngành nghề kinh doanh chính là đóng tàu, sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải, sản xuất bê tông, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan,...

Trong năm 2012, hoạt động chính của Công ty như sau:

- Sản xuất, mua bán trụ điện, cọc bê tông phục vụ công trình giao thông, nông nghiệp, xây dựng, thủy lợi, điện lực và bưu chính viễn thông;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Sản xuất, mua bán các sản phẩm phục vụ công trình giao thông, đô thị, nông nghiệp, xây dựng, thủy lợi;
- Đóng mới phương tiện thủy sản, sửa chữa phương tiện thủy bộ, thiết kế, thiết kế hoán cải phương tiện thủy vỏ thép (không lắp máy dưới 100T)
- Thi công xây dựng và sửa chữa các công trình: giao thông (thủy, bộ), công nghiệp, dân dụng, đô thị và thủy lợi.
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước.
- Mua bán vật liệu xây dựng, các mặt hàng trang trí nội thất. Sản xuất, mua bán các loại cống, cọc bê tông ly tâm.
- Chuẩn bị mặt bằng
- Sản xuất, mua bán bê tông tươi
- Kinh doanh bất động sản.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty đăng ký với cơ quan bảo hiểm là 337 người (31/12/2011 là 338 người).

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

3.4 Đầu tư

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình giao khoán chi phí cho đội thi công được Công ty ghi nhận ngay sau khi có quyết định giao khoán các chi phí xây dựng.

3.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 29 năm
Máy móc thiết bị	08 - 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 07 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn nhưng chưa đưa vào sử dụng nên Công ty chưa khấu hao.

3.7 Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

phí này được kết chuyển vào các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng và thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm.

3.8 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.9 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí quản lý trong năm được căn cứ vào mức lương thực tế của từng nhân viên được Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Tiền lương trực tiếp cho công trình xây, Công ty ghi nhận toàn bộ vào chi phí nhân công trực tiếp khi ký hợp đồng giao khoán cho đội thi công.

3.10 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 7%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

3.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng bán bị trả lại.

Hợp đồng xây dựng:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương ứng với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi bồi thường hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu các công trình thi công dài hạn được ghi nhận trên cơ sở khối lượng thực tế đã hoàn thành thể hiện trên các biên bản xác định khối lượng hoàn thành và hóa đơn tài chính phát hành, không phân biệt là các công trình đã quyết toán hay chưa quyết toán toàn bộ.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính của kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

3.12 Giá vốn xây dựng công trình

Đối với các công trình đã được quyết toán toàn bộ, chi phí giá vốn được kết chuyển toàn bộ từ tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo thực tế phát sinh.

Đối với các công trình chỉ mới quyết toán từng phần, chưa được quyết toán toàn bộ, chi phí giá vốn được kết chuyển từ tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo giá thành kế hoạch dựa trên cơ sở lợi nhuận định mức do Ban Tổng Giám đốc Công ty tự xác định.

3.13 Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Ưu đãi về thuế:

- Công ty được ưu đãi giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo hướng dẫn tại Thông tư số 140/2012/TT – BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 đối với doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động có thu nhập từ hoạt động xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội.

3.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.16 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE
Số 69C ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Tên Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH MTV TM - XD Và Dịch Vụ Giao Long	Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Thương Mại Sông Tiền Bến Tre	Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây Dựng Giao Thông Tiền Giang	Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Quốc Vương	Việt Nam	Cùng chủ tịch Hội đồng Quản trị với Công ty
Công ty TNHH Sản Xuất Cơ Khí-Điện-XD-TM Quang Lộc	Việt Nam	Hợp tác kinh doanh

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	136.486.595	95.606.769
Tiền gửi ngân hàng - VND	13.063.980.807	594.091.523
	13.200.467.402	689.698.292

4.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	8.000.000.000	8.000.000.000
	8.000.000.000	8.000.000.000

(i) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đông Á – Chi nhánh Bến Tre với lãi suất 12%/năm. Khoản tiền gửi này sẽ đáo hạn vào ngày 04 tháng 05 năm 2013 và được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng.

4.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu thương mại - Bên liên quan	553.621.366	-
Phải thu thương mại - Bên thứ ba	17.914.622.096	32.277.548.500
	18.468.243.462	32.277.548.500

4.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trả trước cho người bán - Bên liên quan	14.159.711.028	6.096.058.831
Trả trước cho người bán - Bên thứ ba	4.660.470.572	4.614.705.183
	18.820.181.600	10.710.764.014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.5 Phải thu khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí khoán cho các đội thi công	15.350.266.956	16.029.408.673
Lãi tiền gửi ngân hàng	753.544.865	871.856.756
Phải thu khác – Bên liên quan	5.810.951.264	-
Các khoản phải thu khác	185.579.774	56.672.669
	22.100.342.859	16.957.938.098

4.6 Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên vật liệu	2.767.932.419	9.909.504.646
Công cụ dụng cụ	111.597.767	59.482.187
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	142.753.024.770	64.759.226.315
Thành phẩm	2.579.231.919	8.378.194.372
Cộng giá gốc hàng tồn kho	148.211.786.875	83.106.407.520
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	148.211.786.875	83.106.407.520

(i) Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí sản phẩm cầu, đường	130.030.706.719	46.454.143.559
Chi phí sản phẩm gia công cơ khí đóng tàu	1.203.686.379	1.595.105.723
Chi phí sản phẩm trụ Bê tông ly tâm	922.308.964	889.840.625
Chi phí sản phẩm gạch, Bê tông nhựa nóng	5.483.432.903	5.427.369.658
Chi phí sản phẩm cống Bê tông	2.508.827.309	2.319.724.526
Chi phí sản phẩm phụ	2.409.672.054	7.777.098.457
Chi phí sản xuất sản phẩm Bê tông tươi	194.390.442	270.736.685
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	-	25.207.082
	142.753.024.770	64.759.226.315

Khi có quyết định giao khoán chi phí xây dựng cho các đội thi công, Công ty sẽ ghi nhận toàn bộ chi phí khoán vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và phải trả ngắn hạn.

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	230.241.144	-
Tạm ứng khoán thi công	217.805.000	298.947.329
Tạm ứng công tác	1.531.210.498	1.522.602.537
Tạm ứng mua vật tư	195.847.595	648.445.522
Tạm ứng khác	1.819.861.711	1.713.331.720
Ký quỹ tại Ngân hàng Đầu Tư để mở LC	-	1.303.832.800
	3.994.965.948	5.487.159.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2012	8.277.191.947	34.901.367.820	9.631.570.418	256.913.325	53.067.043.510
Mua trong năm	-	275.118.680	4.224.307.738	-	4.499.426.418
Tặng khác	16.300.000	-	-	-	16.300.000
Vào ngày 31/12/2012	8.293.491.947	35.176.486.500	13.855.878.156	256.913.325	57.582.769.928
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2012	3.790.922.272	9.413.227.837	4.612.569.759	151.909.811	17.968.629.679
Khấu hao trong năm	1.271.732.306	3.112.028.379	1.628.476.131	89.232.390	6.101.469.206
Tặng khác	5.433.334	-	-	-	5.433.334
Vào ngày 31/12/2012	5.068.087.912	12.525.256.216	6.241.045.890	241.142.201	24.075.532.219
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2012	4.486.269.675	25.488.139.983	5.019.000.659	105.003.514	35.098.413.831
Vào ngày 31/12/2012	3.225.404.035	22.651.230.284	7.614.832.266	15.771.124	33.507.237.709

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2012 có các tài sản có nguyên giá là 7.823.672.406 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (tại ngày 31/12/2011 là 5.540.300.679 VND).

Tại 31/12/2012 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 30.281.833.674 VND (tại ngày 31/12/2011 là 16.921.000.000 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

4.9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2012	8.834.293.734
Mua trong năm	564.257.700
Vào ngày 31/12/2012	9.398.551.434
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2012	-
Khấu hao trong năm	-
Vào ngày 31/12/2012	-
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2012	8.834.293.734
Vào ngày 31/12/2012	9.398.551.434

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	1.361.451.937	2.520.748.158
Tăng trong năm	2.601.370.446	19.081.888.555
Giảm trong năm	(659.256.831)	(20.241.184.776)
Số dư cuối năm	3.303.565.552	1.361.451.937

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chi tiết số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí xây dựng các công trình	1.420.760.825	1.283.391.714
Chi phí sửa chữa tài sản	-	78.060.223
Chi phí mua quyền sử dụng đất	1.882.804.727	-
	<u>3.303.565.552</u>	<u>1.361.451.937</u>

4.11 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư vào Công ty con	17.449.580.000	6.999.580.000
Góp vốn liên doanh	-	4.000.000.000
	<u>17.449.580.000</u>	<u>10.999.580.000</u>

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV TM - XD Và DV Giao Long	8.450.000.000	100%	4.000.000.000	50%
Công ty TNHH Thương Mại Sông Tiền Bến Tre(*)	2.000.000.000	62,50%	-	-
Công ty Cổ phần XD Giao Thông Tiền Giang	6.999.580.000	98,03%	6.999.580.000	98,03%
	<u>17.449.580.000</u>		<u>10.999.580.000</u>	

(*) Theo hợp đồng thỏa thuận góp vốn để thành lập Công ty TNHH Thương Mại Sông Tiền Bến Tre thì Công ty Cổ phần Xây Dựng Giao Thông Tiền Giang góp 1.200.000.000 VND (chiếm 17,14% vốn điều lệ) và Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông Bến Tre góp 5.800.000.000 VND (chiếm 82,86% vốn điều lệ). Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2012 Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông Bến Tre mới góp vốn được 2.000.000.000 VND. Số vốn còn lại sẽ được Công ty góp đủ vào năm 2013.

Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại các công ty con tương ứng với tỷ lệ vốn góp.

4.12 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí sửa chữa tài sản	520.697.016	45.619.256
	<u>520.697.016</u>	<u>45.619.256</u>

4.13 Vay và nợ ngắn hạn

		31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	(i)	87.829.337.394	79.947.826.288
Vay cá nhân	(ii)	2.000.000.000	2.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả		-	2.647.656.750
		<u>89.829.337.394</u>	<u>84.595.483.038</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.13 Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

- (i) Đây là khoản vay tại các ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất vay được thỏa thuận theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được cụ thể như sau:

	Hạn mức	Lãi suất (năm)	Bảo đảm vay	31/12/2012 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre	30 tỷ VND	13%	Thế chấp tài sản của Công ty	27.878.459.335
Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre	60 tỷ VND	15%	Vay tín chấp	59.950.878.059
				87.829.337.394

- (ii) Đây là khoản vay cá nhân có thời hạn 30 ngày (nếu có nhu cầu Công ty có thể gia hạn thêm) với lãi suất 17% (có thể thay đổi theo lãi suất của Ngân hàng Công Thương Chi nhánh Tiền Giang) và được bảo đảm bằng quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản của Công ty để thu hồi vốn khi Công ty không trả nợ đúng hạn.

4.14 Phải trả người bán

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải trả người bán - Bên liên quan	23.342.752.824	9.689.727.855
Phải trả người bán - Bên thứ ba	24.688.047.001	39.176.433.636
	48.030.799.825	48.866.161.491

4.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Người mua trả tiền trước - Bên liên quan	893.470.500	268.992.735
Người mua trả tiền trước - Bên thứ ba	95.205.940.734	39.330.586.107
	96.099.411.234	39.599.578.842

4.16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	73.145.897	775.253.102
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.531.555.083	1.098.884.007
Thuế thu nhập cá nhân	110.227.861	75.260.526
	1.714.928.841	1.949.397.635

4.17 Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trích trước chi phí lãi vay	741.578.666	-
Trích trước chi phí khác	(i) 10.495.379.684	1.878.822.992
	11.236.958.350	1.878.822.992

- (i) Đây là khoản chi phí trích trước cho các công trình xây dựng đã được nghiệm thu theo công đoạn và ghi nhận doanh thu nhưng chưa có đầy đủ chứng từ thanh toán quyết toán. Chi phí trích trước được tính theo giá thành kế hoạch dựa trên cơ sở lợi nhuận định mức do Ban Tổng Giám đốc Công ty tự xác định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.18 Phải trả khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	203.823.542	-
Kinh phí công đoàn	78.607.980	43.299.108
Bảo hiểm xã hội	1.259.463.185	412.983.677
Bảo hiểm y tế	224.243.472	17.533.711
Bảo hiểm thất nghiệp	94.674.521	7.680.173
Các khoản phải trả khác	(i) 10.646.307.102	6.257.317.165
	12.507.119.802	6.738.813.834

(i) Chi tiết số dư các khoản phải trả khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí khoán	8.115.191.672	5.912.770.014
Thu hộ phí cầu Mỹ Thạnh	141.328.708	-
Chi phí thẩm tra Quyết toán công trình	287.874.482	287.874.482
Phải trả các bên liên quan	1.336.622.965	-
Phải trả khác	765.289.275	56.672.669
	10.646.307.102	6.257.317.165

Khi có quyết định giao khoán chi phí xây dựng cho các đội thi công, Công ty sẽ ghi nhận toàn bộ chi phí khoán vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và phải trả ngắn hạn.

4.19 Nợ dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh	(i) 1.929.429.157	1.597.763.312
Vay dài hạn ngân hàng	(ii) 16.658.749.968	9.742.050.000
	18.588.179.125	11.339.813.312

(i) Đây là khoản Công ty TNHH Sản Xuất Cơ Khí - Điện - Xây Dựng - Thương Mại Quang Lộc góp vốn với Công ty Cổ phần Xây dựng Công Trình Giao Thông Bến Tre để sản xuất trụ bê tông dự ứng lực và cọc ép theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2007/HĐKD ngày 01 tháng 08 năm 2007.

(ii) Đây là khoản vay trung và dài hạn tại các ngân hàng với hình thức thế chấp bằng tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn vay, chi tiết các khoản vay còn số dư được thể hiện như sau:

Số hợp đồng	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	Mục đích vay	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre	16%	2016	Đầu tư thi công trạm trộn bê tông	8.158.795.968	-
Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre	13,5%	2016	Đầu tư nhà máy sản xuất bê tông tươi	8.499.954.000	9.742.050.000
				16.658.749.968	9.742.050.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE
Số 69C ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.20 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 01/01/2011	16.564.700.000	142.873.882	18.339.353	(35.556.800)	1.503.753.529	18.194.109.964
Lãi trong năm	-	-	-	-	3.345.229.633	3.345.229.633
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(442.829.500)	(442.829.500)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	35.556.800	-	35.556.800
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.987.764.000)	(1.987.764.000)
Chia lợi nhuận góp vốn liên doanh	-	-	-	-	(192.604.665)	(192.604.665)
Số dư ngày 31/12/2011	16.564.700.000	142.873.882	18.339.353	-	2.225.784.997	18.951.698.232
Số dư ngày 01/01/2012	16.564.700.000	142.873.882	18.339.353	-	2.225.784.997	18.951.698.232
Lãi trong năm	-	-	-	-	2.297.281.470	2.297.281.470
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(738.767.500)	(738.767.500)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.153.411.000)	(2.153.411.000)
Tặng khác	-	-	-	-	16.300.000	16.300.000
Giảm khác	-	-	-	-	(5.433.334)	(5.433.334)
Số dư ngày 31/12/2012	16.564.700.000	142.873.882	18.339.353	-	1.641.754.633	18.367.667.868

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.656.470	16.564.700.000	1.656.470	16.564.700.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.656.470	16.564.700.000	1.656.470	16.564.700.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	1.656.470	16.564.700.000	1.656.470	16.564.700.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	-	-	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.656.470	16.564.700.000	1.656.470	16.564.700.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	1.656.470	16.564.700.000	1.656.470	16.564.700.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Trong năm nay và năm trước Công ty không có biến động về vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.21 Cổ tức

Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 vào ngày 12 tháng 5 năm 2012, Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức của năm 2011 là 2.153.411.000 VND, tương ứng với 13% vốn điều lệ (cổ tức đã chia năm 2011 là 1.987.764.000 VND, tương ứng với 12% vốn điều lệ).

4.22 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 vào ngày 12 tháng 5 năm 2012, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 738.767.500 VND để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	27.581.605.930	21.576.936.215
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.675.647.899	8.224.060.054
Doanh thu xây dựng	139.485.490.553	131.230.679.803
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	172.742.744.382	161.031.676.072

5.2 Giá vốn hàng bán

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn bán hàng	25.085.360.477	18.715.772.136
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.310.159.882	8.035.607.010
Giá vốn xây dựng	110.781.819.567	108.265.319.280
	141.177.339.926	135.016.698.426

Giá vốn công trình: Đối với các công trình chỉ mới quyết toán từng phần, chưa được quyết toán toàn bộ, chi phí giá vốn được kết chuyển từ tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo giá thành kế hoạch dựa trên cơ sở lợi nhuận định mức do Ban Tổng Giám đốc Công ty tự xác định, sau khi hoàn thành công trình thì Công ty mới điều chỉnh lại theo giá trị quyết toán.

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.170.735.389	1.729.000.596
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	132.392.725
Lãi do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	86.388.000	-
Thu lãi tiền bảo hành công trình	39.938.987	23.356.616
	1.297.062.376	1.884.749.937

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.4 Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	19.517.173.896	14.348.792.169
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	128.203.600	-
	<u>19.645.377.496</u>	<u>14.348.792.169</u>

5.5 Thu nhập khác

	2012 VND	2011 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	310.378.182
Thu nhập từ bán phế liệu	-	163.668.182
Các khoản thu nhập khác	805.269.476	245.026.980
	<u>805.269.476</u>	<u>719.073.344</u>

5.6 Chi phí khác

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thanh lý tài sản	-	726.905.741
Chi phí công trình đã nghiệm thu năm trước	1.031.766.901	171.268.248
Chi phí khác	187.053.814	51.646.840
	<u>1.218.820.715</u>	<u>949.820.829</u>

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2012 VND	2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.794.212.306	4.040.231.401
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	45.392.469	(68.792.725)
Các khoản điều chỉnh tăng	45.392.469	63.600.000
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	45.392.469	63.600.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(132.392.725)
- Thu nhập từ cổ tức được chia	-	(132.392.725)
Tổng thu nhập chịu thuế	2.839.604.775	3.971.438.676
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	709.901.194	992.859.669
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30%	(212.970.358)	(297.857.901)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>496.930.836</u>	<u>695.001.768</u>

5.8 Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 2.297.281.470 VND (2011: 3.345.229.633 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 1.656.470 cổ phiếu (2011: 1.656.470 cổ phiếu), được tính như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.297.281.470	3.345.229.633
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.297.281.470	3.345.229.633
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.656.470	1.656.470
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.387</u>	<u>2.019</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.051.423.496	94.681.506.820
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	3.210.994.443	-
Chi phí nhân công	2.839.664.115	3.021.386.218
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.688.404.555	2.883.937.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.682.182.800	37.239.279.143
Chi phí bằng tiền khác	8.713.996.308	6.470.545.769
	<u>151.186.665.717</u>	<u>144.296.654.954</u>

6 MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Các khoản vay và nợ	89.829.337.394	16.658.749.968	106.488.087.362
Phải trả người bán	48.030.799.825	-	48.030.799.825
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	21.883.265.452	1.929.429.157	23.812.694.609
	159.743.402.671	18.588.179.125	178.331.581.796
Ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Các khoản vay và nợ	84.595.483.038	9.742.050.000	94.337.533.038
Phải trả người bán	48.866.161.491	-	48.866.161.491
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	8.136.140.157	1.597.763.312	9.733.903.469
	141.597.784.686	11.339.813.312	152.937.597.998

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, dụng cụ quản lý của mình vào các khoản vay tại các ngân hàng (Thuyết minh tại 4.8).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2011 và 31/12/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

iv. Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu bên thứ 3</i>	16.901.401.648	32.024.460.924	16.901.401.648	32.024.460.924
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	6.364.572.630	-	6.364.572.630	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	16.289.391.595	16.957.938.098	16.289.391.595	16.957.938.098
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư ngắn hạn</i>	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
<i>Đầu tư dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	13.200.467.402	689.698.292	13.200.467.402	689.698.292
Tổng cộng	60.755.833.275	57.672.097.314	60.755.833.275	57.672.097.314
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
<i>Vay và nợ</i>	106.488.087.362	94.337.533.038	106.488.087.362	94.337.533.038
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	26.608.804.946	11.287.491.167	26.608.804.946	11.287.491.167
<i>Phải trả bên thứ 3</i>	24.688.047.001	39.176.433.636	24.688.047.001	39.176.433.636
<i>Phải trả khác</i>	20.546.642.487	8.136.140.157	20.546.642.487	8.136.140.157
Tổng cộng	178.331.581.796	152.937.597.998	178.331.581.796	152.937.597.998

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày theo giá trị sổ sách do không đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

7 CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lương và thưởng	995.600.000	796.014.605
	995.600.000	796.014.605

7.2 Số liệu so sánh

Trình bày lại chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố năm 2011 do ảnh hưởng của việc thay đổi phương pháp lập và trình bày trong năm 2012.

	2011 Theo báo cáo trước đây VND	2011 Điều chỉnh lại VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.980.501.873	94.681.506.820
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	-	-
Chi phí nhân công	3.345.822.621	3.021.386.218
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.045.166.421	2.883.937.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.109.182.161	37.239.279.143
Chi phí bằng tiền khác	5.237.177.212	6.470.545.769
	227.717.850.288	144.296.654.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

7.3 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2012 VND
Công ty TNHH MTV TM-XD Và Dịch Vụ Giao Long	Bán hàng	1.128.577.906
	Cung cấp dịch vụ	364.614.636
	Mua hàng	11.430.380.687
	Thuê dịch vụ	166.837.574
Công ty Cổ phần Xây Dựng Giao Thông Tiền Giang	Bán hàng	4.834.922.925
	Cung cấp dịch vụ	355.881.458
	Thuê khoán xây dựng	24.640.860.176
	Thuê dịch vụ	2.545.455
Công ty TNHH Thương Mại Sông Tiền Bến Tre	Bán hàng	12.160.941
	Mua hàng	2.833.599.984
Công ty TNHH Quốc Vương	Bán hàng	4.586.120.442
	Cung cấp dịch vụ	299.661.175
	Thuê khoán xây dựng	5.842.476.025
	Thuê dịch vụ	359.548.618
	Mua hàng	12.731.518.794
	Mua tài sản cố định	3.000.000.000
Công ty TNHH Sản Xuất Cơ Khí-Điện-XD-TM Quang Lộc	Nhận góp vốn đầu tư	331.665.845

Số dư các khoản phải thu/phải trả với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2012 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV TM-XD Và Dịch Vụ Giao Long	Trả trước tiền hàng	100.000.000
	Phải thu khác	5.764.753.360
Công ty Cổ phần Xây Dựng Giao Thông Tiền Giang	Phải thu bán hàng	300.000
	Trả trước tiền hàng	5.797.404.080
	Phải thu khác	34.931.524
Công ty TNHH Thương Mại Sông Tiền Bến Tre	Phải thu khác	11.266.380
Công ty TNHH Quốc Vương	Phải thu bán hàng	553.321.366
	Trả trước tiền hàng	8.262.306.948
		20.524.283.658

Số dư các khoản phải trả với các bên có liên quan

Công ty TNHH MTV TM-XD Và Dịch Vụ Giao Long	Mua hàng/dịch vụ	(7.267.281.768)
Công ty Cổ phần Xây Dựng Giao Thông Tiền Giang	Mua hàng/dịch vụ	(9.445.279.487)
Công ty TNHH Thương Mại Sông Tiền Bến Tre	Mua hàng/dịch vụ	(1.616.729.584)
	Phải trả tiền mượn	(1.336.622.965)
Công ty TNHH Quốc Vương	Mua hàng/dịch vụ	(5.013.461.985)
Công ty TNHH Sản Xuất Cơ Khí-Điện-XD-TM Quang Lộc	Nhận góp vốn đầu tư	(1.929.429.157)
	Nhận trước tiền hàng	(893.470.500)
		(27.502.275.446)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE
Số 69C ấp Phú Hòa, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.



VŨ QUANG TRUNG
KT. Kế toán trưởng



NGUYỄN TUẤN MINH
Tổng Giám đốc
Bến Tre, ngày 30 tháng 03 năm 2013

30